

MUA

Giá mục tiêu 2026: **79.000 VND**
% tăng giá: **22%**
Cập nhật: 12/12/2025

NTP

CTCP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

DSC

TRIỂN VỌNG 2026

Tích cực: Động lực tăng trưởng đến từ (1) Nhu cầu VLXD trong nước tăng cao và (2) Giá nguyên vật liệu ở mức thấp. Ngoài ra, NTP cũng liên tục nằm trong danh sách thoái vốn của SCIC.

Rủi ro: Giá nguyên liệu đầu vào phục hồi nhanh hơn kì vọng và rủi ro đến từ đối thủ cạnh tranh lớn như BMP, HSG.

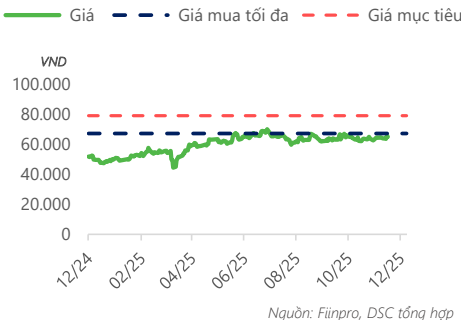
Đơn vị : tỷ VND	Q3/24	Q3/25	2025F
DTT	1.201	1.610	6.787,88
% YoY	-8%	34%	17%
LNTT	209	314	1.140,82
% YoY	18%	50%	28%

Tổng quan doanh nghiệp

Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong (HNX: NTP) thành lập năm 1960, là một những doanh nghiệp sản xuất và phân phối nhựa xây dựng lâu đời nhất Việt Nam. Hoạt động kinh doanh của NTP bao gồm sản xuất và kinh doanh các sản phẩm ống nhựa xây dựng phục vụ cho: (1) Xây dựng dân dụng và (2) Xây dựng hạ tầng

Dữ liệu thị trường

Ngành nghề:	Vật liệu xây dựng & Nội thất
Giá hiện tại:	65.000 VND
Vốn hóa:	11.117 tỷ VND
Số lượng CPLH:	171 triệu CP
EPS 4 quý gần nhất:	5.885 VND
P/E:	11,0 lần
Cổ tức tiền mặt	2,500 VND/cp
Cổ phiếu thưởng	20,0%



KHUYẾN NGHỊ

DSC khuyến nghị Mua đối với NTP với giá mục tiêu 77.900 VND (tiềm năng tăng giá 23%) dựa trên định giá FCFF.

Tính từ đầu năm 2025 đến nay, NTP đã tăng giá 23,7% và hiện nay đang giao dịch tại mức P/E 10,7 lần. Chúng tôi cho rằng đây vẫn là định giá hấp dẫn với tiềm năng của công ty hàng đầu trong lĩnh vực cung cấp ống nhựa xây dựng cũng như triển vọng phát triển của ngành xây dựng trong thời gian tới.

Với mức giá chiết khấu hấp dẫn, NTP là lựa chọn hàng đầu trong nhóm cổ phiếu vật liệu xây dựng hiện nay.

LUẬN ĐIỂM ĐẦU TƯ

Quan điểm ngành: Dự địa tăng trưởng lớn với chi phí đầu vào thuận lợi

Ngành nhựa Việt Nam đang trong giai đoạn mở rộng mạnh mẽ với doanh thu năm 2024 ước đạt 31 tỷ USD (+23,9% YoY). Dự báo nhu cầu tiêu thụ sẽ duy trì tốc độ tăng trưởng kép (CAGR) từ 8-9% (giai đoạn 2025-2034), đạt 23 triệu tấn vào năm 2034. Nhựa xây dựng chiếm tỷ trọng lớn thứ hai (25%), là động lực quan trọng gắn liền với sự hồi phục của thị trường bất động sản và hạ tầng.

Sản lượng tăng trưởng nhờ sự hồi phục BĐS dân dụng

Động lực tăng trưởng doanh thu của NTP đến từ sự cộng hưởng của sự hồi phục thị trường bất động sản dân dụng và làn sóng giải ngân đầu tư công mạnh mẽ. Đối với mảng dân dụng (chiếm 70% doanh thu), các nút thắt pháp lý dần được tháo gỡ cùng đề án 1 triệu căn nhà ở xã hội đang đẩy nhanh tiến độ đã kích thích nhu cầu tiêu thụ ống nhựa PVC. Song song đó, việc Chính phủ quyết liệt giải ngân đầu tư công (đạt 96,6% kế hoạch năm tính đến giữa tháng 11/2025), đặc biệt tại khu vực miền Bắc, đã tạo ra đầu ra lớn cho mảng ống nhựa hạ tầng HDPE.

Biên lợi nhuận mở rộng nhờ giá nguyên liệu giảm và lợi thế cạnh tranh bền vững

Giá hạt nhựa PVC, nguyên liệu chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu chi phí, đã giảm xuống mức 680 USD/tấn do áp lực dư cung toàn cầu, trong khi giá HDPE và PP cũng neo ở mức thấp quanh 940 USD/tấn. Yếu tố này kết hợp với vị thế dẫn thị phần ngành nhựa tại miền Bắc giúp NTP duy trì lợi thế cạnh tranh.

QUAN ĐIỂM NGÀNH:

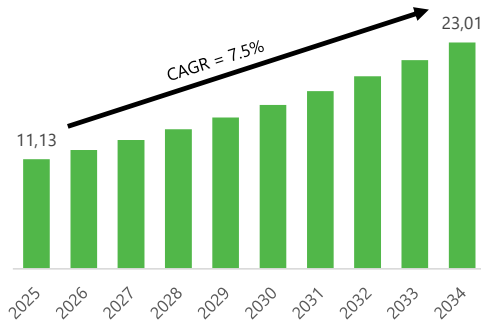
Dư địa tăng trưởng lớn với chi phí đầu vào thuận lợi

NTP

CTCP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong



QUY MÔ THỊ TRƯỜNG NHỰA VIỆT NAM (TẤN)

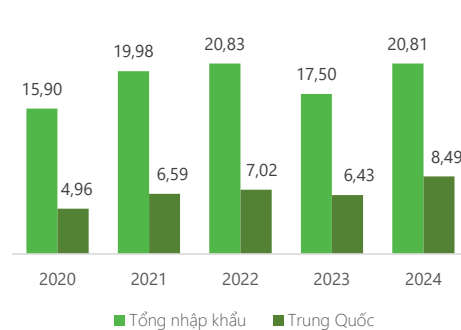


Nguồn: Expert Market Research, DSC tổng hợp

Quy mô thị trường mở rộng

Theo Hiệp hội Nhựa Việt Nam (VPA) dự báo, Việt Nam sẽ tiêu thụ khoảng 11,2 triệu tấn nhựa vào năm 2025 và tổng nhu cầu dự kiến sẽ đạt 23 triệu tấn vào năm 2034, tương đương tốc độ CAGR khoảng 8-9% năm. Trong đó, nhựa bao bì chiếm lớn nhất với 35% sản lượng, nhựa xây dựng chiếm 25%, nhựa gia dụng chiếm 22% và nhựa kỹ thuật chiếm 18%. Doanh thu ngành nhựa năm 2024 được ước tính đạt 31 tỷ USD, tăng 23,9% YoY.

NHẬP KHẨU NHÓM HÀNG NHỰA, NGUYÊN LIỆU NHỰA (TỶ USD)

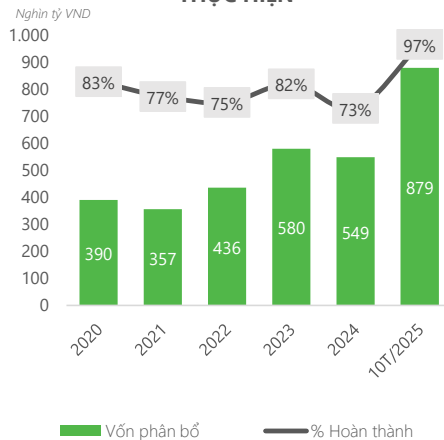


Nguồn: ICT Trade map, DSC tổng hợp

Cung - Cầu hạt nhựa nguyên liệu tại Việt Nam

Nguồn cung nguyên liệu trong nước Việt Nam chủ yếu phụ thuộc vào nhập khẩu, do năng lực sản xuất nội địa còn hạn chế. Theo VPA, nhập khẩu nhóm hàng sản phẩm nhựa, nguyên liệu nhựa của nước ta đã đạt 21 tỷ USD trong năm 2024. Trong đó, riêng nhập khẩu nguyên liệu nhựa là 11,8 tỷ USD, tăng gần 21% so với 2023, nhập khẩu từ thị trường Trung Quốc là lớn nhất đạt 3,2 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 27,2%. Theo đó, ước tính năng lực sản xuất các loại hạt nhựa trong nước chỉ đáp ứng được hơn 26% nhu cầu hạt nhựa nguyên liệu, còn lại 74% phụ thuộc vào nhập khẩu.

NGÂN SÁCH ĐẦU TƯ CÔNG VÀ TỶ LỆ THỰC HIỆN



Nguồn: MOF, DSC tổng hợp

Tiềm năng ngành nhựa xây dựng

Hiện nay, ngành nhựa xây dựng đang tăng trưởng tốt với động lực đến từ: (1) Tăng trưởng ngành xây dựng nhờ nhu cầu xây dựng nhà ở phục hồi và đẩy mạnh đầu tư công và (2) Giá các loại hạt nhựa duy trì ở vùng thấp. Cụ thể, theo lũy kế đến ngày 13/11/2025, tổng số vốn đầu tư công đã phân bổ trong năm 2025 là hơn 878 nghìn tỷ VND, đạt 96,6% kế hoạch. Ngoài ra, giá các loại hạt nhựa nguyên liệu cũng đang giữ ở mức thấp, chủ yếu do nhu cầu tiêu thụ nhựa xây dựng tại Trung Quốc (chiếm 50% sản lượng tiêu thụ và sản xuất PVC toàn cầu) thấp do thị trường BĐS chưa hồi phục.

LUẬN ĐIỂM I:

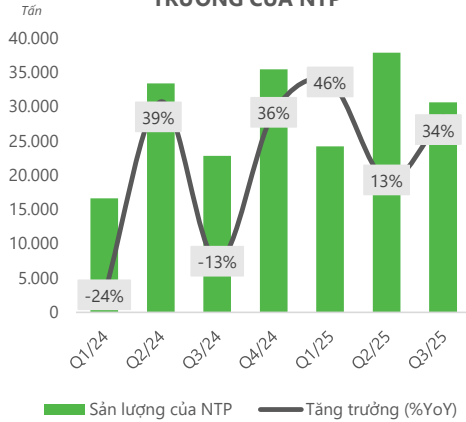
Sản lượng tăng trưởng nhờ sự hồi phục BĐS dân dụng

NTP

CTCP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

DSC

SẢN LƯỢNG BÁN HÀNG VÀ TĂNG TRƯỞNG CỦA NTP

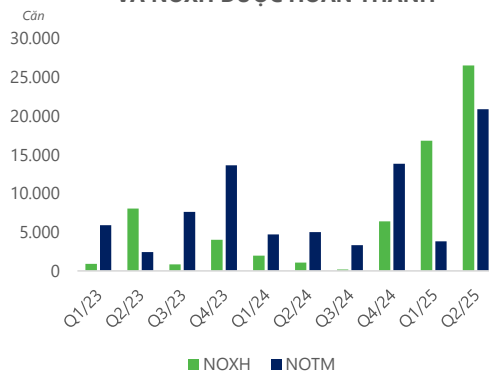


Nguồn: DSC tổng hợp và ước tính

Sản lượng bán hàng tăng trưởng

Năm 2024 và 2025 chứng kiến tăng trưởng mạnh mẽ của ngành xây dựng, đặc biệt là mảng xây dựng dân dụng và xây dựng hạ tầng khi các bộ luật mới đi vào hiệu lực đã tháo gỡ pháp lý cho hàng loạt dự án và Chính phủ cũng đẩy mạnh giải ngân đầu tư công như một động lực tăng trưởng GDP. Đây sẽ là cơ hội rất lớn cho NTP để đẩy mạnh sản lượng bán hàng, đặc biệt là ống nhựa PVC phục vụ cho dân dụng và ống nhựa HDPE cho xây dựng hạ tầng. Sản lượng tiêu thụ của NTP trong 9 tháng đầu năm 2025 đạt gần 93 nghìn tấn, tăng trưởng 27,4% YoY, riêng trong quý 3 con số này đạt hơn 30 nghìn tấn, tăng trưởng 34,2% YoY.

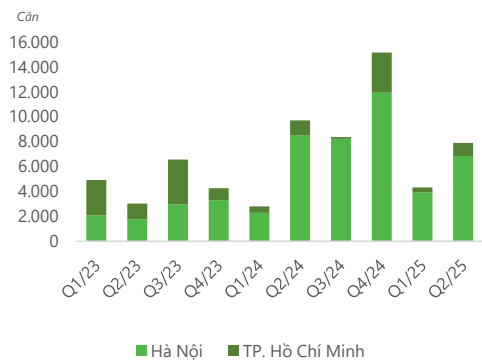
SỐ LƯỢNG CĂN NHÀ Ở THƯƠNG MẠI VÀ NOXH ĐƯỢC HOÀN THÀNH



Xây dựng dân dụng phục hồi tốt, đặc biệt tại khu vực miền Bắc

Doanh thu từ mảng ống PVC phục vụ cho xây dựng dân dụng chiếm đến 70% tổng doanh thu của NTP. Trong giai đoạn 2024-2025, mảng xây dựng dân dụng đã chứng kiến sự tăng trưởng đáng kể, với động lực đến từ: (1) Kế hoạch đẩy mạnh xây dựng NOXH của Chính phủ và (2) Sự tăng mạnh của số lượng căn nhà ở thương mại do các vấn đề pháp lý được tháo gỡ. Đề án xây dựng 1 triệu NOXH của Chính phủ đã bước sang bước cuối của giai đoạn 1 từ 2021-2025, hiện nay số lượng dự án hoàn thành, khởi công và chấp thuận đầu tư đã đạt 59,6% kế hoạch chỉ tiêu. Ngoài ra, các dự án phát triển nhà ở thương mại cũng được đẩy mạnh khi trong riêng quý 2/2025, có 22 dự án với quy mô khoảng 4.400 căn được cấp phép mới và hơn 20.000 căn đã hoàn thành đủ điều kiện đưa vào kinh doanh, trong đó có khoảng 11.500 căn chung cư và 9.500 căn nhà ở riêng lẻ. Theo số liệu từ CBRE, lượng cung căn hộ cũng đã hồi phục, đặc biệt là ở thành phố Hà Nội.

TỔNG NGUỒN CUNG, CĂN HỘ MỚI TẠI HÀ NỘI VÀ TP. HỒ CHÍ MINH



Nguồn: MOC, CBRE, DSC tổng hợp

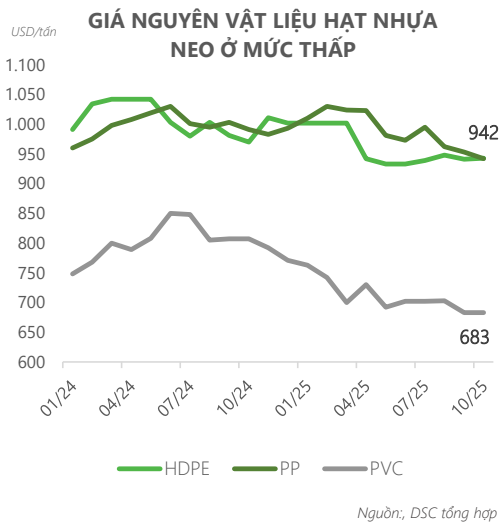
LUẬN ĐIỂM II:

Biên lợi nhuận gộp cải thiện do giá nguyên liệu neo ở mức thấp

NTP

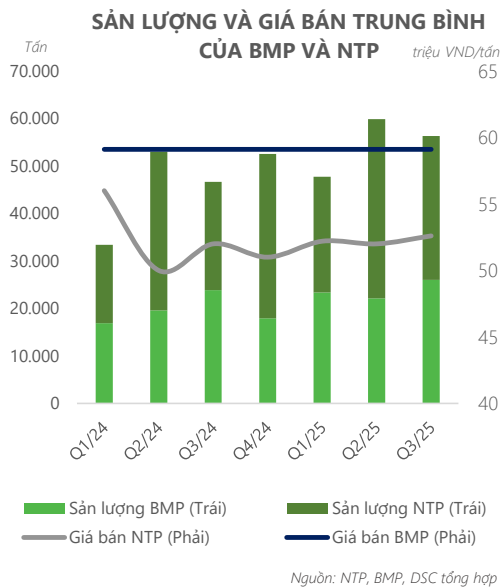
CTCP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

DSC



Giá hạt nhựa nguyên liệu từ đầu năm

Chi phí hạt nhựa nguyên liệu chiếm đến 70% chi phí COGS nên biên lợi nhuận gộp của NTP bị ảnh hưởng mạnh mẽ bởi biến động giá của các loại hạt nhựa nguyên liệu như PVC, PP và HDPE. Từ đầu năm 2025, giá các loại hạt nhựa đều có xu hướng giảm, đặc biệt là hạt PVC (nguyên liệu chiếm tỷ trọng lớn nhất của NTP) đang có mức giá 683 USD/ tấn, giảm 8,6% YTM. Nguyên nhân của sự giảm giá này được cho là đến từ việc dư thừa nguồn cung bởi sự phục hồi chậm của thị trường bất động sản tại Trung Quốc (thị trường tiêu thụ nhựa lớn nhất). Giá các hạt nhựa khác cũng cho thấy xu hướng giảm nhẹ, cụ thể giá hạt nhựa HDPE và PP neo ở mức 940 USD/ tấn. Tất cả các yếu tố này đều góp phần giúp NTP cải thiện và duy trì mức biên lợi nhuận tốt như hiện tại.



Giá bán cạnh tranh hơn đối thủ

Chúng tôi tin rằng NTP vẫn sẽ giữ vững được vị thế dẫn đầu, đặc biệt trong mảng ống nhựa PVC phục vụ cho xây dựng dân dụng vì: (1) NTP là thương hiệu lâu đời và uy tín hàng đầu, đặc biệt tại khu vực miền Bắc và (2) Duy trì được giá bán cạnh tranh, thấp hơn khoảng 11% so với đối thủ BMP, duy trì ở mức trung bình 52.4 triệu VND. Hơn nữa, do đặc thù sản phẩm không thể vận chuyển xa, nên chúng tôi cho rằng NTP sẽ duy trì được lợi thế cạnh tranh lớn đặc biệt tại khu vực miền Bắc.

Doanh thu

Với các triển vọng và giả định nêu tại luận điểm đầu tư, chúng tôi dự phóng doanh thu của NTP sẽ đạt 6,788 tỷ VND trong 2025, tăng trưởng 20% YoY. Sau đó, tăng trưởng với tốc độ CAGR =7%, với động lực đến từ: (1) Sự phục hồi của mảng xây dựng dân dụng và hạ tầng; (2) Vị thế dẫn đầu được duy trì, đặc biệt tại khu vực miền Bắc.

Biên lợi nhuận gộp

Chúng tôi dự phóng trong năm 2025 biên lợi nhuận gộp sẽ được giữ vững ở mức 31.5% trong năm 2025 và sau đó cũng sẽ duy trì ở mức 30.3-31.5% trong giai đoạn 2026F-2030F do giá hạt nhựa nguyên liệu được duy trì ở vùng thấp.

Tỷ lệ chiết khấu

NTP có 3 loại chiết khấu là CK cơ bản (trừ trực tiếp vào DT), CK thương mại (tính vào SG&A) và CK thanh toán (tính vào CP tài chính). NTP thường có CK khá sâu cho nhà cung cấp, vì vậy trong năm 2025 với chúng tôi giả định NTP vẫn sẽ giữ mức CK khá cao cho nhà cung cấp nhằm giữ được thị phần và sau đó duy trì ở mức ổn định là 9.21% trong các năm tiếp đó.

	2024	2025F	2026F	2027F	2028F	2029F	2030F
Chiết khấu cơ bản (Giảm trừ DT)	161,92	209,93	201,54	215,65	230,21	245,75	262,33
%DT gộp	2,78%	3,00%	2,70%	2,70%	2,70%	2,70%	2,70%
Chiết khấu thương mại (SG&A)	289,41	419,87	373,23	399,35	426,31	455,09	485,81
%DT gộp	4,97%	6,00%	5,00%	5,00%	5,00%	5,00%	5,00%
Chiết khấu thanh toán (CP tài chính)	87,79	105,40	112,43	120,30	128,42	137,09	146,35
%DT gộp	1,51%	1,51%	1,51%	1,51%	1,51%	1,51%	1,51%
Tổng chiết khấu/ DT gộp	9,25%	10,51%	9,21%	9,21%	9,21%	9,21%	9,21%

	2024	2025F	2026F	2027F	2028F	2029F	2030F
DTT (tỷ VND)	5.657	6.788	7.263	7.771	8.296	8.856	9.454
Lợi nhuận gộp (tỷ VND)	1.770	2.138	2.270	2.409	2.551	2.701	2.860
LN TT (tỷ VND)	888	1.159	1.232	1.311	1.392	1.477	1.567
LN ST (tỷ VND)	736	962	1.023	1.088	1.155	1.226	1.300
LN ST sau CĐTS (tỷ VND)	736	962	1.023	1.088	1.155	1.226	1.300
EPS (VND)	4.661	5.625	5.978	6.363	6.755	7.169	7.602
Biên lợi nhuận gộp	31%	32%	31%	31%	31%	31%	30%
Biên LN TT	16%	17%	17%	17%	17%	17%	17%
% DTT (YoY)	9%	20%	7%	7%	7%	7%	7%
% LN TT (YoY)	35%	30%	6%	6%	6%	6%	6%
% LN ST (YoY)	32%	31%	6%	6%	6%	6%	6%
% LN ST sau CĐTS (YoY)	32%	29%	6%	6%	6%	6%	6%

DỰ PHÒNG BẢNG CÂN ĐỐI KT & LCTT

	2024	2025F	2026F	2027F	2028F	2029F	2030F
Tiền, tương đương tiền & Đầu tư ngắn hạn	3.024,86	3.274,68	3.627,82	4.015,65	4.444,65	4.900,39	5.384,20
Khoản phải thu	388,32	667,47	785,62	878,82	978,93	1.088,55	1.208,51
Tồn kho	1.005,13	1.165,91	1.276,63	1.397,32	1.511,17	1.625,05	1.737,74
DTAs	0,81	0,81	0,81	0,81	0,81	0,81	0,81
Tài sản ngắn hạn khác	54,57	54,57	54,57	54,57	54,57	54,57	54,57
TS cố định hữu hình	1.258,38	1.156,72	1.093,87	1.051,84	1.006,98	968,66	937,98
TS cố định vô hình (bao gồm LTTM)	7,11	7,11	7,11	7,11	7,11	7,11	7,11
TS dài hạn khác	675,70	675,70	675,70	675,70	675,70	675,70	675,70
Tổng tài sản	6.414,87	7.002,98	7.522,13	8.081,82	8.679,91	9.320,84	10.006,61
Khoản phải trả	313,88	365,78	392,81	421,83	451,94	484,19	518,73
Chi phí phải trả & DT chưa ghi nhận	121,20	166,87	178,55	191,05	203,94	217,71	232,41
Vay nợ ngắn hạn	1.481,77	1.481,77	1.481,77	1.481,77	1.481,77	1.481,77	1.481,77
Vay nợ dài hạn	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
Nợ phải trả khác	831,65	831,65	831,65	831,65	831,65	831,65	831,65
Nợ phải trả	2.748,50	2.846,06	2.884,77	2.926,29	2.969,30	3.015,31	3.064,55
Vốn điều lệ	1.425,32	1.710,38	1.787,55	1.870,17	1.956,71	2.048,33	2.145,11
CP quỹ	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
LN giữ lại	1.023,43	1.228,92	1.632,18	2.067,74	2.536,28	3.039,58	3.579,34
OCI	1.217,62	1.217,62	1.217,62	1.217,62	1.217,62	1.217,62	1.217,62
Vốn chủ sở hữu	3.666,37	4.156,92	4.637,36	5.155,53	5.710,61	6.305,53	6.942,07

	2025F	2026F	2027F	2028F	2029F	2030F
LNST	946,88	1.006,53	1.071,11	1.137,08	1.206,61	1.279,51
D&A	150,59	142,42	136,95	131,12	126,14	122,15
Dự phòng	78,34	(0,79)	(10,65)	3,70	8,18	11,00
Khoản phải thu	(279,16)	(118,14)	(93,20)	(100,11)	(109,62)	(119,96)
Tồn kho	(160,78)	(110,72)	(120,70)	(113,85)	(113,88)	(112,69)
Khoản phải trả	51,90	27,03	29,02	30,11	32,25	34,54
Chi phí phải trả & DT chưa ghi nhận	45,66	11,68	12,50	12,90	13,77	14,70
TS khác	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
CFO	833,43	958,01	1.025,04	1.100,95	1.163,44	1.229,25
Capex	(127,06)	(78,56)	(84,06)	(89,74)	(95,79)	(102,26)
Mua TS vô hình	(0,21)	(0,21)	(0,21)	(0,21)	(0,21)	(0,21)
Trích quỹ đầu tư	(100,00)	(100,00)	(100,00)	(100,00)	(100,00)	(100,00)
CFI	(227,28)	(178,78)	(184,28)	(189,95)	(196,01)	(202,47)
Nợ dài hạn	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
Trả cổ tức	(641,39)	(503,27)	(535,56)	(568,54)	(603,30)	(639,75)
Phát hành cổ phiếu	285,06	77,17	82,62	86,54	91,62	96,78
Nợ ngắn hạn	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
CFF	(356,33)	(426,10)	(452,94)	(482,00)	(511,69)	(542,97)
Thay đổi dòng tiền	249,82	353,14	387,83	429,00	455,75	483,80

Phương pháp định giá

Chúng tôi sử dụng phương pháp định giá chiết khấu dòng tiền (DCF). Với tiềm tăng trưởng doanh thu 20% trong năm 2025 và duy trì ổn định từ 6,75-7%/năm trong giai đoạn 2026F-2030F, mức giá chúng tôi đưa ra cho cổ phiếu NTP là 79.000 VND/cổ phiếu, cao hơn 22% so với giá đóng cửa ngày 12/12/2025.

Chi phí sử dụng vốn bình quân

WACC (%)	9,35%
Ls phí rủi ro (%)	3,85%
Phần bù rủi ro vốn cổ phần (%)	10,35%
Beta	0,80
Chi phí VCSH	9,05%
Ls bình quân	7,00%
Thuế thu nhập DN	17,00%
Chi phí nợ	5,81%
Tỷ trọng Giá trị VCSH	109,31%
Tỷ trọng Nợ ròng	-9,31%

Định giá DCF (tỷ VND)

Giá trị hiện tại thuần 2025-2030	4.191,31
Tốc độ tăng trưởng dài hạn	1,50%
Dòng tiền tự do 2030 * (1+g)	1.040,98
Giá trị dài hạn	13.258,14
Giá trị hiện tại của giá trị dài hạn	8.404,48
Giá trị doanh nghiệp	12.595,79
Cộng: Tiền mặt	2.895,88
Trừ: Tổng nợ	1.983,97
Trừ: Lợi ích CĐTS	-
Giá trị của VCSH	13.315,27
Số lượng CPLH (triệu)	171,00
Giá trị hợp lý (VND/cp)	78.975

Mô hình định giá FCFF

Đơn vị: tỷ VND	2025F	2026F	2027F	2028F	2029F	2030F
LN ròng	1.257,01	1.308,00	1.364,61	1.420,82	1.480,69	1.544,46
NOPAT	918,33	967,54	1.019,15	1.070,72	1.124,62	1.180,92
Cộng: Khấu hao	150,59	142,42	136,95	131,12	126,14	122,15
Trừ: Thay đổi vốn lưu động	(264,04)	(190,94)	(183,02)	(167,26)	(169,30)	(172,41)
Trừ: Vốn đầu tư	(227,28)	(178,78)	(184,28)	(189,95)	(196,01)	(202,47)
FCFF	655,56	838,09	886,59	942,50	983,09	1.025,60
WACC	9,35%					
PV	649,96	759,87	735,11	714,59	681,64	650,14

Bối cảnh định giá

Sau khi tăng giá 24% từ đầu năm đến nay, NTP đang giao dịch ở mức P/E = 10,7x, thấp hơn so với trung bình 5 năm là 11,5x.



Nguồn: Finpro, DSC tổng hợp

PHỤ LỤC:

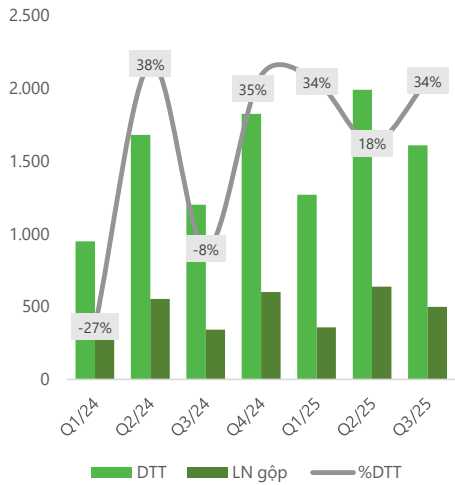
Cập nhật kết quả kinh doanh & Điểm nhấn tài chính

NTP

CTCP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

DSC

DOANH THU VÀ LN GỘP

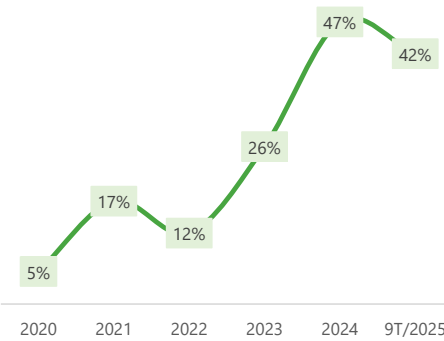


Nguồn: NTP, DSC tổng hợp

Tăng trưởng tích cực trong năm 2025

Doanh thu của NTP bắt đầu tăng trưởng mạnh từ đầu năm 2025, cụ thể lũy kế 3 quý đầu năm 2025 doanh thu của NTP đạt mức 4.869 tỷ VND, tương đương mức tăng trưởng 27%. Thêm vào đó, Ln gộp cũng đạt được mức tăng trưởng 27%, duy trì biên lợi nhuận ổn định ở 31-32%. Mức tăng trưởng đến từ tăng sản lượng bán hàng và giá nguyên vật liệu duy trì ở mức thấp.

TIỀN, TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN & ĐẦU TƯ NGẮN HẠN/ TỔNG TS

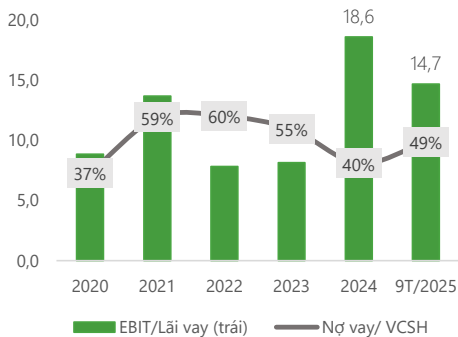


Nguồn: NTP, DSC tổng hợp

Cơ cấu tài sản được cải thiện

Từ năm 2024, tỷ lệ tiền, tương đương tiền & Đầu tư ngắn hạn/ Tổng TS của NTP đã được cải thiện lên mức hơn 47%, phản ánh dòng tiền dồi dào từ HĐKD được giữ lại. Trong năm 2025, tỷ lệ này có giảm nhẹ do NTP thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho năm 2024, với mức chi trả 2.500 VND/cp.

TỶ LỆ ĐÒN BẮY VÀ BAO PHỦ CHI PHÍ LÃI VAY



Nguồn: NTP, DSC tổng hợp

Duy trì tỷ lệ đòn bẩy thấp và tỷ lệ bao phủ chi phí lãi vay cao

Cơ cấu nợ vay của NTP bao gồm 100% là nợ vay ngắn hạn để phục vụ cho hoạt động kinh doanh, chiếm khoảng từ 40,42-49,21% VCSH, đây là tỷ lệ không quá cao so với các đối thủ sản xuất vật liệu xây dựng khác. NTP cũng duy trì được tỷ lệ bao phủ chi phí lãi vay ở mức 14,68x.

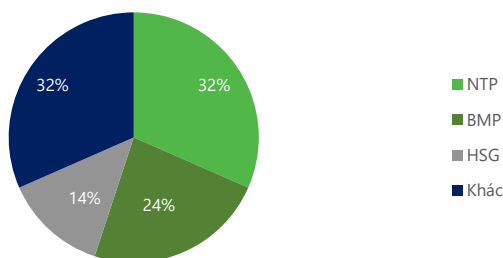
MÔ HÌNH KINH DOANH

Mô hình kinh doanh của NTP khá toàn diện khi kết hợp giữa sản xuất công nghiệp quy mô lớn và quản lý chuỗi cung ứng kết hợp với hệ thống phân phối quy mô lớn. NTP đang là doanh nghiệp nhựa xây dựng có thị phần lớn nhất cả nước, với 32% thị phần.

Đầu vào: Nguyên liệu đầu vào của NTP là hạt nhựa nguyên liệu, bao gồm các loại như bột PVC (68% nguyên liệu nhựa), hạt nhựa HDPE & PE (chiếm 18% nguyên liệu) và hạt nhựa PP (chiếm 14% nguyên liệu nhựa). Nhựa nguyên liệu đầu vào chiếm đến 70% trong chi phí giá vốn hàng bán của NTP, đặc biệt NTP nhập khẩu hoàn toàn hạt nhựa nguyên liệu từ các nước như Thái Lan, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore,...

Sản xuất: NTP hiện sở hữu 3 nhà máy sản xuất tại cả 3 miền đất nước Hải Phòng, Nghệ An và Bình Dương, với tổng công suất 260,000 tấn/ năm. Trong đó, nhà máy tại Hải Phòng có công suất lớn nhất với 185.000 tấn/ năm, miền Bắc cũng là thị trường lớn nhất của NTP.

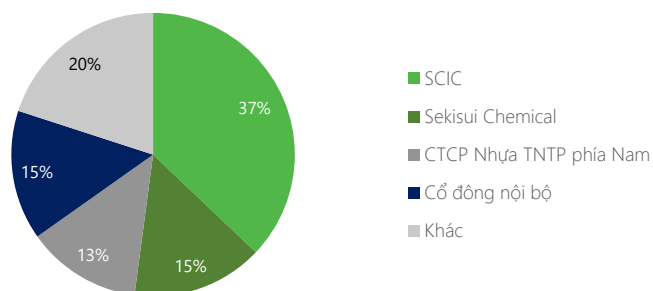
Đầu ra & Phân phối: Đầu ra của NTP bao gồm 10,000 đầu mã sản phẩm ống và phụ tùng nhựa phân theo 3 loại nhựa chính HDPE, PPR và PVC. Trong đó ống PVC chiếm hơn 70% doanh thu, còn ống PPR và PVC chiếm khoảng 30% doanh thu. Về hệ thống phân phối, NTP có 12 trung tâm phân phối với 400 nhà phân phối và 26.000 điểm bán hàng.

THỊ PHẦN NGÀNH ỐNG NHỰA VIỆT NAM

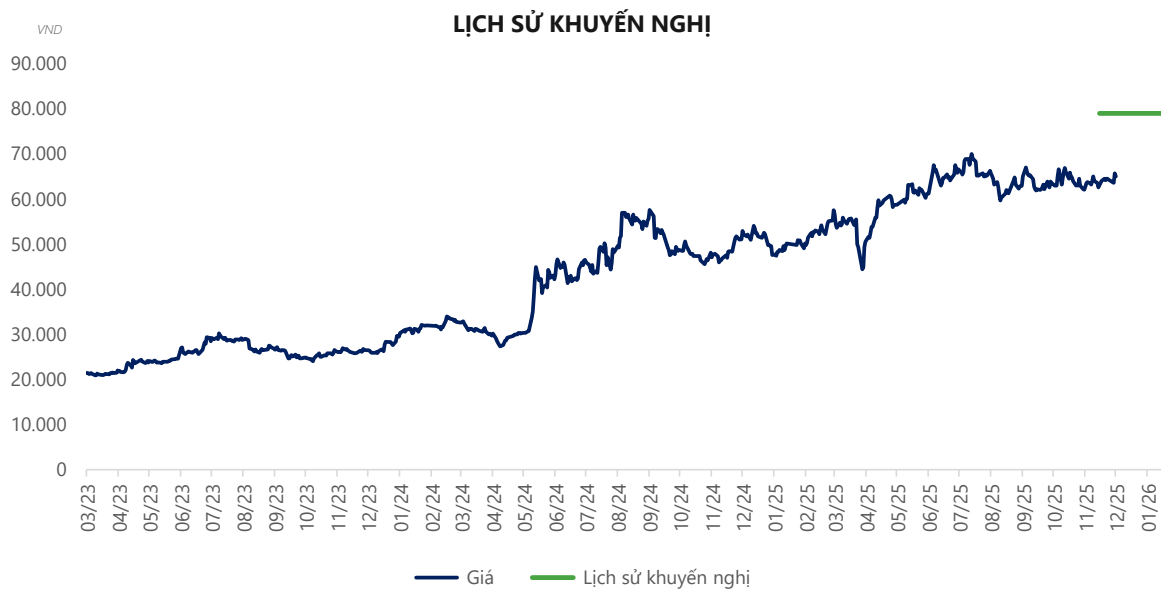
Nguồn: DSC tổng hợp

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

NTP có cơ cấu cổ đông khá cô đặc khi cổ đông nội bộ và chiến lược chiếm khoảng 80% cơ cấu cổ đông, trong đó SCIC nắm giữ 37.1% cổ phần (trong nhiều năm, NTP đã nằm trong danh sách thoái vốn của Nhà nước), Sekisui Chemical (cổ đông chiến lược từ Nhật Bản) nắm giữ 15% cổ phần, và CTCP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam nắm 13,8%. Khoảng 28% thuộc về nhóm cổ đông nội bộ và các bên liên quan.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Nguồn: NTP, DSC tổng hợp



Xác nhận của chuyên viên phân tích

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán DSC và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Liên hệ - Trung tâm phân tích DSC

HỘI SỞ CHÍNH

📍 Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội

☎ (024) 3880 3456

✉ info@dsc.com.vn

Đào Hải Nam

Chuyên viên Phân tích
nam.dh@dsc.com.vn